

Số: **0.6**./2019/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **19** tháng **7** năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet (Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT) như sau:

1. Bổ sung khoản 15 Điều 2 như sau:

“15. Thành viên địa chỉ là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC)”.



2. Sửa đổi điểm m khoản 3 Điều 5 như sau:

“m) NAME.VN dành cho các tổ chức, cá nhân đăng ký theo tên gọi như tên đầy đủ, tên viết tắt, tên thương mại, tên bí danh... của tổ chức, cá nhân;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi điểm g như sau:

“g) Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;”

b) Bổ sung điểm h như sau:

“h) Không phải là tên miền có các cụm từ dễ gây nhầm lẫn là trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội nếu chủ thể đăng ký sử dụng không phải đối tượng được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền:

a) Nộp trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn”. Trong trường hợp chủ thể đăng ký tên miền là cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền khi nộp hồ sơ trực tiếp xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài);

b) Gửi hồ sơ đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn”. Hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền có chủ thể là cá nhân gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) của chủ thể đứng tên đăng ký tên miền;

c) Thực hiện trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký (không áp dụng đối với các hồ sơ thay đổi thông tin, hồ sơ hoàn trả tên miền):

Chủ thể tên miền nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký và có trách nhiệm hoàn thiện thông tin đăng ký theo quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký. Nhà đăng ký có trách nhiệm xác thực thông tin cung cấp của chủ thể. Danh sách Nhà đăng ký được công bố bởi VNNIC tại địa chỉ: www.nhadangky.vn.”

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Việc đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng tên miền được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

d) Cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7. Các trường hợp được phép đổi tên chủ thể nêu tại khoản 6 Điều này, ngoài Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, chủ thể sử dụng tên miền bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng tên miền theo các phương thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Các trường hợp không xác định được chủ thể do mạo danh đăng ký tên miền; tên miền có thông tin đăng ký không chính xác; chủ thể tên miền là tổ chức đã giải thể hoặc không còn tồn tại.”

b) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

a) Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày VNNIC hoặc Nhà đăng ký yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin mà chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện, tên miền bị tạm ngừng hoạt động trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia. Nhà đăng ký gửi thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến chủ thể tên miền trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi tên miền tạm ngừng hoạt động;

b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền cập nhật, bổ sung hoặc hoàn thiện thông tin, tên miền được gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động.”

6) Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

“a) Theo văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài hoặc theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền;”

b) Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau:

“e) Tên miền vi phạm nguyên tắc đặt tên quy định tại khoản 2 Điều 6; quy định về bảo vệ tên miền tại Điều 8 hoặc sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể không bổ sung, cập nhật, hoàn thiện thông tin đăng ký;”

c) Bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.”

d) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp thu hồi tên miền như quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thực hiện:

a) Ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;

b) Yêu cầu Nhà đăng ký tên miền gửi văn bản thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày VNNIC có thông báo thu hồi tên miền.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Việc chuyển đổi nhà đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện theo yêu cầu của Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền và khi có sự thống nhất của Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến. Khi có yêu cầu của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải thực hiện các thủ tục để chuyển đổi nhà đăng ký và không được gây cản trở khi chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong thỏa thuận về đăng ký, duy trì tên miền “.vn” với Nhà đăng ký. Trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu chuyển đổi nhà đăng ký tên miền của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối, gửi trả lời cho chủ thể.”

8. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Trường hợp văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài; bản án, quyết định của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì người được thi hành án (là nguyên đơn trong vụ việc giải quyết tranh chấp) được ưu tiên đăng ký trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày văn bản, quyết định, phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP (khuyến khích việc đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6) để sử dụng nội bộ hoặc cấp lại cho khách hàng có kết nối đến mạng cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (trong trường hợp được cung cấp dịch vụ Internet) và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP.”.

10. Bổ sung, sửa đổi Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP bao gồm:

a) “Bản khai đăng ký địa chỉ IP” theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Quyết định thành lập hoặc các loại Giấy chứng nhận hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hoặc Mã số doanh nghiệp;

c) Trong trường hợp cấp, phân bổ địa chỉ IP do thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bổ sung bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng địa chỉ IP.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương thức nộp hồ sơ:

a) Nộp trực tiếp tại trụ sở của VNNIC;

b) Gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến trụ sở của VNNIC;

c) Thực hiện trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn.”

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Thời hạn trả lời kết quả hoặc Quyết định cấp, phân bổ địa chỉ IP cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp, phân bổ, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ VNNIC

được quyền đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng trong các trường hợp sau:

- a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng;
- c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký:

a) “Bản khai đăng ký số hiệu mạng” theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trong trường hợp cấp số hiệu mạng do thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng số hiệu mạng.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau

“3. Phương thức nộp hồ sơ:

a) Nộp trực tiếp tại trụ sở của VNNIC;

b) Gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến trụ sở của VNNIC;

c) Thực hiện trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn.”

13. Bổ sung vào mục 4 Phụ lục 3 phần Bản khai đăng ký tên miền dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT nội dung như sau:

“Mã số doanh nghiệp”

14. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT nội dung như sau:

a) Bổ sung mục 1 nội dung như sau: “Mã số doanh nghiệp”;

b) Sửa đổi mục 2 nội dung như sau: Sửa đổi nội dung “Người lãnh đạo cao nhất của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp” bằng nội dung “Người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp”.

c) Bãi bỏ nội dung tại mục 3 như sau:

“Lưu ý: nếu đề nghị cấp IPv4, tổ chức không thể xin quá prefix /22 trong giai đoạn này”.

d) Bãi bỏ nội dung tại mục 5 như sau:

“(Áp dụng đối với cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp không phải là ISP, kết nối đa hướng, cần cung cấp thông tin cho ít nhất 02 hướng kết nối)”.

e) Bổ sung dưới phần xác nhận của tổ chức đăng ký các nội dung như sau:

+ Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu;

+ Lưu ý: Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ IP”.

15. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT nội dung như sau:

a) Bổ sung vào sau Mục 2 nội dung như sau:

“2a. Số hiệu mạng đề nghị đổi tên chủ thể: Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng số hiệu mạng, tổ chức cung cấp số hiệu mạng có nhu cầu điều chuyển tại đây”.

b) Bãi bỏ nội dung tại mục 3 như sau (đối với cả phần chính sách định tuyến hướng vào và chính sách định tuyến hướng ra):

“tối thiểu 02 hướng”

c) Bổ sung dưới phần xác nhận của tổ chức đăng ký các nội dung như sau:

+ Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu;

+ Lưu ý: Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng số hiệu mạng, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý số hiệu mạng”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày **15** tháng **9** năm 2019.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan đơn vị thuộc Bộ; Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VNNIC (400).



Nguyễn Mạnh Hùng